

## Chương 6 Quản trị kết quả tài chính

### I. Doanh thu:

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng là số tiền thu được trong kỳ bao gồm:
  - a) Thu từ hoạt động kinh doanh gồm: thu từ hoạt động tín dụng, thu lãi tiền gửi, thu dịch vụ, thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng, thu lãi góp vốn, mua cổ phần, thu từ hoạt động mua bán nợ, thu về chênh lệch tỷ giá, thu từ hoạt động kinh doanh khác;
  - b) Thu khác gồm: các khoản thu từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu về các khoản vốn đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro; thu kinh phí quản lý đối với các công ty thành viên độc lập; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; các khoản thu khác.
2. Bộ Tài chính quy định điều kiện và thời điểm để xác định doanh thu.

### II. Chi phí

Chi phí của tổ chức tín dụng là các chi phí chi trả hợp lý phát sinh trong kỳ, bao gồm:

1. Chi hoạt động kinh doanh:
  - a) Chi phí phải trả lãi tiền gửi; chi phí phải trả lãi tiền vay; chi hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng; chi hoạt động kinh doanh dịch vụ ngân hàng; chi cho việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu; chi cho hoạt động mua bán nợ; chi cho hoạt động góp vốn, mua cổ phần; chi về chênh lệch tỷ giá; chi cho hoạt động kinh doanh khác;
  - b) Chi trích khấu hao tài sản cố định. Mức trích theo quy định chung đối với các doanh nghiệp;
  - c) Chi đi thuê và cho thuê tài sản;
  - d) Tiền lương, tiền công và chi phí có tính chất lương theo quy định;
  - e) Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn;
  - f) Chi dịch vụ mua ngoài: chi thuê sửa chữa tài sản cố định, vận chuyển, điện, nước, điện thoại, vật liệu, giấy in, văn phòng phẩm, công cụ lao động, phòng cháy chữa cháy, tư vấn, kiểm toán, tiền mua bảo hiểm tài sản, tiền mua bảo hiểm tai nạn con người, chi công tác phí, chi phụ cấp tàu xe đi nghỉ phép theo quy định, chi hoa hồng, đại lý môi giới, ủy thác và các dịch vụ khác;

g) Các khoản chi kinh doanh khác:

- Chi bảo hộ lao động.
- Chi trang phục giao dịch.
- Chi trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ quy định.
- Chi theo chế độ quy định đối với lao động nữ.
- Tiền ăn ca cho cán bộ, nhân viên tổ chức tín dụng.
- Chi đóng phí hiệp hội ngành nghề mà tổ chức tín dụng có tham gia.
- Chi cho công tác đảng, đoàn thể tại tổ chức tín dụng.
- Chi trích lập các khoản dự phòng và chi tham gia tổ chức bảo toàn tiền gửi hoặc chi đóng bảo hiểm tiền gửi.
- Chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ; chi sáng kiến cải tiến; chi đào tạo lao động nâng cao tay nghề, nâng cao năng lực quản lý; chi hỗ trợ giáo dục (nếu có); chi y tế cho người lao động của tổ chức tín dụng theo chế độ quy định.
- Chi thưởng sáng kiến cải tiến, tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm chi phí theo nguyên tắc phù hợp với hiệu quả thực tế đem lại.
- Chi cho công tác bảo vệ cơ quan.
- Chi cho công tác bảo vệ môi trường.
- Chi lễ tân, khánh tiết, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, giao dịch, đối ngoại, chi phí hội họp.
- Chi nộp thuế môn bài, thuế sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, thuế nhà đất, các loại thuế, phí và lệ phí khác.

2. Các chi phí khác của tổ chức tín dụng bao gồm:

- a) Chi nhượng bán, thanh lý tài sản (bao gồm giá trị còn lại của tài sản và các chi phí nhượng bán, thanh lý);
- b) Chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ quá hạn khó đòi;
- c) Chi tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- d) Chi xử lý khoản tổn thất tài sản còn lại sau khi đã bù đắp bằng các nguồn theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Nghị định này;
- e) Chi các khoản đã hạch toán doanh thu nhưng thực tế không thu được;
- f) Các khoản chi hợp lý, hợp lệ khác.

Tổ chức tín dụng không được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh các khoản sau:

1. Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật do cá nhân gây ra không mang danh tổ chức tín dụng.
2. Các khoản chi không liên quan đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, các khoản chi không có chứng từ hợp lệ.
3. Các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ.
4. Các khoản chi không hợp lý khác.

## III. LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

### I. Lợi nhuận thực hiện

Lợi nhuận của tổ chức tín dụng là khoản chênh lệch được xác định giữa tổng doanh thu phải thu trừ đi tổng các khoản chi phí phải trả hợp lý hợp lệ.

$$P_{gộp} = \sum \text{Doanh thu} - \sum \text{Chi phí}$$

$$P_{ròng} = P_{gộp} - \text{Thuế thu nhập DN (28\%)}$$

### ❖ Phân phối lợi nhuận đối với các tổ chức tín dụng 100% vốn Nhà nước:

Lợi nhuận của các tổ chức tín dụng sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

1. Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5%, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của các tổ chức tín dụng.
2. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).
3. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau khi trừ các khoản quy định tại khoản trên được phân phối theo quy định dưới đây:

- Trích quỹ dự phòng tài chính 10%; mức tối đa của quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ của các tổ chức tín dụng;
- Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ 50%;
- Lợi nhuận còn lại được phân phối tiếp như sau:
  - Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành tổ chức tín dụng theo quy định chung đối với doanh nghiệp nhà nước.
  - Trích lập 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi. Mức trích tối đa không quá ba tháng lương thực hiện.
  - Số lợi nhuận còn lại sau khi trích 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.

#### ❖ Phân phối lợi nhuận đối với các tổ chức tín dụng khác:

Lợi nhuận của các tổ chức tín dụng sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, chia lãi cho các thành viên liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có), bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; số dư tối đa của quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ của các tổ chức tín dụng.
- Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do tổ chức tín dụng tự quyết định.

#### Nguyên tắc sử dụng các quỹ:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ dùng để bổ sung vốn điều lệ.
- Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của tổ chức tín dụng.
- Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của quỹ, Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ thưởng Ban điều hành tổ chức tín dụng được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc tổ chức tín dụng. Mức thưởng do đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng.

#### 5. Quỹ khen thưởng dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên trong tổ chức tín dụng. Mức thưởng do Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) và công đoàn của tổ chức tín dụng trên cơ sở năng suất lao động, thành tích công tác của mỗi cán bộ, nhân viên trong tổ chức tín dụng;
- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong tổ chức tín dụng có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả trong kinh doanh. Mức thưởng do Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng quyết định;
- Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài tổ chức tín dụng có quan hệ kinh tế đã hoàn thành tốt những điều kiện hợp đồng, đóng góp có hiệu quả vào hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Mức thưởng do Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng quyết định.
- Quỹ phúc lợi dùng để:
  - Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của tổ chức tín dụng, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thoả thuận;
  - Chi cho các hoạt động thể thao, văn hoá, phúc lợi cộng đồng của tập thể cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng;
  - Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên kể cả các cán bộ, nhân viên đã về hưu, mất sức của tổ chức tín dụng;
  - Chi cho các hoạt động phúc lợi khác;

#### IV. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG:

Để đánh giá hiệu quả hoạt động của ngân hàng, người ta thường dùng các chỉ tiêu liên quan đến lợi nhuận như sau:

- Tỷ lệ thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE - Return on equity):** được tính bằng cách lấy lợi nhuận (lợi tức ròng) chia cho vốn tự có cơ bản trung bình (vốn cổ phần thường, cổ phần ưu đãi, các quỹ dự trữ và lợi nhuận không chia). ROE đo lường tỷ lệ thu nhập cho các cổ đông của ngân hàng. Nó thể hiện thu nhập mà các cổ đông nhận được từ việc đầu tư vốn vào ngân hàng.

$$\text{Hệ số ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn chủ sở hữu (Vốn tự có bình quân)}}$$

Hệ số ROE quá lớn: VTC của NH qua thấp

#### 2/ Tỷ lệ thu nhập trên tổng tài sản (ROA: Return on asset):

$$\text{Hệ số ROA} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tổng tài sản (Tài sản cơ bản bình quân)}}$$

ROA là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác quản lý của ngân hàng, cho thấy khả năng trong quá trình chuyển tài sản của ngân hàng thành thu nhập ròng.  
ROA quá lớn → Rủi ro lớn

Mối quan hệ giữa ROE và ROA:

$$\begin{aligned} \text{Hệ số ROE} &= \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tổng vốn chủ sở hữu}} \\ &= \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng vốn chủ sở hữu}} \\ \text{ROE} &= \text{ROA} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng vốn chủ sở hữu}} \end{aligned}$$

Trong đó, Tỷ số đòn bẩy tài chính =  $\frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng vốn chủ sở hữu}}$

Mối quan hệ trên cho thấy thu nhập của một ngân hàng rất nhạy cảm với phương thức tài trợ tài sản (sử dụng nhiều nợ hơn hay nhiều vốn chủ sở hữu hơn). Một ngân hàng có ROA thấp vẫn có thể đạt ROE ở mức cao nếu như sử dụng nhiều nợ (gồm cả tiền gửi của khách hàng) và sử dụng tối thiểu vốn chủ sở hữu trong quá trình tài trợ tài sản.

**Tỷ lệ thu nhập cận biên:** Đo lường tính hiệu quả và khả năng sinh lời. Bao gồm:  
 \_ Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (Net interest Margin\_NIM): là chênh lệch giữa thu nhập lãi và chi phí lãi, tất cả chia cho tích sản sinh lãi. Hệ số lãi ròng biên tế được các chủ Ngân hàng quan tâm theo dõi vì nó giúp cho Ngân hàng dự báo trước khả năng sinh lãi của Ngân hàng thông qua việc kiểm soát chặt chẽ tài sản sinh lời và việc tìm kiếm những nguồn vốn có chi phí thấp nhất.

$$\text{Hệ số lãi ròng biên tế} = \frac{\text{Thu nhập lãi} - \text{Chi phí lãi}}{\text{Tài sản có sinh lãi}}$$

- Thu nhập trên cổ phiếu (Earning Per Share-EPS): Đo lường trực tiếp thu nhập của các cổ đông tính trên mỗi cổ phiếu hiện đang lưu hành.

$$\text{EPS} = \frac{\text{Thu nhập sau thuế}}{\text{Tổng số cổ phiếu thường phát hành}}$$

- 5/ Chênh lệch lãi suất bình quân (chênh lệch lãi suất đầu vào và đầu ra): Là chỉ tiêu truyền thống đánh giá thu nhập của ngân hàng, đo lường hiệu quả đối với hoạt động trung gian của ngân hàng trong quá trình huy động vốn và cho vay, đồng thời đo lường cường độ cạnh tranh trong thị trường của ngân hàng. Trong điều kiện các nhân tố khác không đổi, chênh lệch lãi suất bình quân của ngân hàng sẽ giảm khi cường độ cạnh tranh tăng lên, buộc ngân hàng phải tìm cách bù đắp mức chênh lệch lãi suất bị mất đi (thu phí từ các dịch vụ mới).

$$= \frac{\text{Thu từ lãi}}{\text{Tổng tài sản sinh lời}} - \frac{\text{Tổng chi phí lãi}}{\text{Tổng nguồn phải trả lãi}}$$